

**Bản án số:** 63/2020/DS- PT.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020

“*V/v Tranh chấp di sản thừa kế*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

**- *Th1 phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hà Giang;

*Các Thẩm phán:* Ông Hồ Văn Việt;

Ông Nguyễn Kim Ái.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Tôn Thị T Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2020/TLPT - DS ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc “tranh chấp di sản thừa kế”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2019/DS - ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 53/2020/QĐPT - DS ngày 16 tháng 7 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo mở phiên tòa phúc thẩm số: 190/2020/TB – TA ngày 04/8/2020 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị V, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

\* *Bị đơn:* Anh Cao Bá C, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

\* ***Người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan:***

- Chị Cao Thị T, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Khu 6 xã Tân P, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

- Chị Cao Thị T, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Khu 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

- Anh Cao Bá T, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

- Chị Cao Thị C, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Tổ 25, Phường Đông K, Quận Ngô Q, Th1 phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy Q: Anh Cao Bá C, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

(Theo giấy ủy Q ngày 29/7/2020). (Có mặt).

- Ông Cao Bá C, sinh năm 1943. Nơi cư trú: Khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

**\* Người làm chứng:**

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1959. Địa chỉ: Khu Phố, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

- Ông Trần Nhật Th1, sinh năm 1956. Địa chỉ: Khu 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

Người kháng cáo: Anh Cao Bá C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm chị Cao Thị V trình bày:** Bà Lê Thị B kết hôn cùng ông Cao Bá C và sinh được 6 người con gồm: Cao Bá C, sinh năm 1970; Cao Thị T, sinh năm 1974; Cao Thị T, sinh năm 1976; Cao Thị V, sinh năm 1976; Cao Bá T, sinh năm 1979; Cao Thị C, sinh năm 1982. Năm 2000, bố mẹ chị ly hôn. Năm 2018, bà Lê Thị B chết, trước khi chết bà B đã lập bản di chúc và gửi giữ tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nội dung là di chúc lại cho chị thừa đất số 251, tờ bản đồ số 08, diện tích 100 m<sup>2</sup> đất ở tại khu 5, thị trấn T, huyện T. Chị đã đề nghị UBND thị trấn T mở thừa kế, sau đó chị được UBND huyện T làm thủ tục cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất số CP 802518 ngày 21/01/2019 cho chị thừa đất này. Tuy nhiên trên đất còn 01 ngôi nhà cấp IV, đồ mái diện tích khoảng 100 m<sup>2</sup> mẹ chị chưa di chúc cụ thể cho ai. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế của bà B là ngôi nhà trên và các tài sản theo quy định của pháp luật. Ngày 26/02/2012 bà B đã nhận của chị 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và 3 cây vàng để làm nhà, nay chị yêu cầu ai được hưởng phần di sản thì phải trả cho chị theo quy định của pháp luật, giá vàng tính theo giá hiện tại. Khi vay có giấy nhận tiền và có người làm chứng là bà Nguyễn Thị Th trú tại khu phố thị trấn T và ông Trần Nhật Th1 là trưởng khu 1, xã Đ, huyện T xác nhận việc bà B nhận tiền của chị.

**Phía bị đơn là anh Cao Bá C trình bày:** Về bố, mẹ và các anh em như chị V trình bày như trên là đúng. Năm 2000, bố mẹ anh ly hôn, năm 2018 bà B chết, trước khi chết có để lại di chúc với nội dung thừa kế cho chị V thừa đất số 251, tờ bản đồ số 08, diện tích 100m<sup>2</sup> đất ở tại Khu 5, thị trấn T, huyện T. Sau đó chị V đã làm thủ tục và được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất cho chị thừa đất này. Quá trình sau khi công bố di chúc tại UBND thị trấn T anh đã có khiếu nại về việc cấp Giấy chứng nhận Q sử dụng đất cho chị V nhưng không được giải quyết.

Nay anh xác định di chúc này không hợp pháp, đề nghị tòa án giải quyết chia theo quy định của pháp luật tài sản mẹ anh để lại bao gồm thừa đất số 251, tờ bản đồ số 08, diện tích 100m<sup>2</sup>, trên đất còn 01 ngôi nhà cấp IV, đồ mái diện tích 100m<sup>2</sup> và các tài sản khác mẹ anh chưa di chúc cụ thể cho ai. Anh không nhất trí việc chị V trình bày bà B có nhận tiền 100.000.000đ và 03 cây Vàng của chị V để làm nhà năm 2012 bởi bà B có tiền và không phải vay mượn ai. Đề nghị tòa án không chấp

nhận yêu cầu này.

Người đại diện theo ủy Q của anh C là bà Đỗ Thị Hương trình bày: Đề nghị hội đồng xét xử xác định bản di chúc của bà Lê Thị Blà không hợp pháp bởi lẽ bản di chúc này được lập chưa đúng quy định về hình thức: chưa được đánh số trang, chưa ký vào từng trang của di chúc, di chúc có sửa chữa nhưng không thực hiện đúng quy định của Bộ luật dân sự 2015 tại phần ký hiệu giấy chứng nhận Q sử dụng đất có sửa nhưng người để lại di chúc không ký xác nhận mà được đóng giáp lai bằng dấu của UBND thị trấn T. Do đó bản di chúc này vô hiệu về hình thức văn bản. Đề nghị hội đồng xét xử chia di sản thừa kế của bà B đề nghị tòa án giải quyết chia theo quy định của pháp luật di sản bà B để lại bao gồm thửa đất số 251, tờ bản đồ số 08, diện tích 100m<sup>2</sup>, trên đất còn 01 ngôi nhà cấp IV, đồ mái diện tích 100m<sup>2</sup> và các tài sản khác đã được thẩm định giá. Đề nghị HĐXX không chấp nhận việc chị V trình bày bà B có nhận tiền 100.000.000đ và 03 cây Vàng của chị để làm nhà năm 2012.

***Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:***

- *Chị Cao Thị T trình bày:* Chị xác định bà B năm 2016 đã lập di chúc lại tài sản cho chị V là đúng, nay chị đề nghị tòa án công nhận bản di chúc này và chia di sản là ngôi nhà theo quy định của pháp luật. Phần được chia chị không nhận mà chị cho chị V. Chị xác định vào ngày 26/02/2012 khi bà B làm nhà lúc này chị V xuống nhà chị tại Khu 1, xã Đ ở nhờ, bà B xuống nhà chị và bảo chị V “có tiền và Vàng thì đưa cho mẹ làm nhà sau này mẹ cho con tất”, chị là người đem hai tập tiền loại 500.000đ mỗi tập 50.000.000đ tổng là 100.000.000đ và 03 cây Vàng do chị V gửi chị đem ra giao cho bà B, lúc này có bà Nguyễn Thị Th là hàng xóm của bà B tại thị trấn T xuống làm chứng việc giao nhận tiền này. Đến trưa ngày 26/02/2019 chị và bà B đem toàn bộ tiền và vàng này vào nhà ông Trần Nhật Th1 là trưởng khu 1 xã Đ nơi chị cư trú đề nghị ông Th1 xác nhận, ông Th1 đã xác nhận sự việc trên. Đề nghị tòa án chấp nhận yêu cầu của chị V buộc các đồng thừa kế phải trả cho chị V theo kỷ phần được chia di sản của bà B.

- *Chị Cao Thị T, anh Cao Bá T trình bày:* Về bố, mẹ chị và các anh em như chị V, anh C trình bày như trên là đúng. Năm 2000, bà B và ông Triển ly hôn; năm 2018 bà B chết có để lại di chúc với nội dung giao cho chị V thửa đất số: 251, tờ bản đồ số 08, diện tích 100m<sup>2</sup> đất ở tại Khu 5, thị trấn T, huyện T. Sau đó chị V đã làm thủ tục và được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất thửa đất này. Nay xác định di chúc này không hợp pháp, đề nghị tòa án giải quyết chia theo quy định của pháp luật tài sản bà B để lại bao gồm thửa đất số 251, tờ bản đồ số 08, diện tích 100m<sup>2</sup>, trên đất còn 01 ngôi nhà cấp IV, đồ mái diện tích 100m<sup>2</sup> và các tài sản khác. Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận việc chị V trình bày bà B có nhận tiền 100.000.000đ và 03 cây Vàng của chị để làm nhà năm 2012.

- *Chị Cao Thị C trình bày:* Chị xác định bà B năm 2016 đã lập di chúc tài sản cho chị V, tuy nhiên trên đất có ngôi nhà bà B chưa di chúc cho ai, đề nghị tòa án chia di sản là ngôi nhà theo quy định của pháp luật, các nội dung khác đề nghị tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Ông Cao Bá C trình bày: Năm 2012 ông và bà Bxây nhà chung tường, nay ông đề nghị giữ nguyên hiện trạng không có ý kiến thay đổi gì.

***Lời trình bày của người làm chứng:***

- Bà Nguyễn Thị Th trình bày: Năm 2012, bà được bà Bnhờ xuống làm chứng việc chị V giao tiền cho bà B. Khi bà đang ở nhà thì bà Bđến và bảo nhờ bà xuống nhà con gái là Cao Thị T ở Khu 1, xã Đ, huyện T làm chứng việc bà nhận tiền, vàng của chị V là con gái đang ở nhờ nhà chị T để làm nhà. Khi đến bà thấy chị T đem có hai xấp tiền mệnh giá 500.000đ bảo là 100.000.000đ một hộp nhiều vàng, số lượng là 03 cây vàng. Bà có ký vào giấy sau đó ra về còn sự việc sau đó bà không biết, bà xác nhận tờ giấy nhận tiền tòa án cho bà xem đúng là tờ giấy bà xác nhận năm 2012. Bà cam đoan nội dung xác nhận và bà Bcầm tiền vàng trước mặt bà là đúng sự thật.

- Ông Trần Nhật Th1 ký xác nhận trong giấy nhận tiền xác định: Năm 2012 lúc đó ông là Trưởng khu 1, xã Đ. Ngày 26/2/2012, chị T là con gái bà Bsinh sống tại đây có đưa bà Bđến và nhờ ông xác nhận hộ việc chị V giao tiền và vàng cho bà B. Khi đến chị T đem 2 cục tiền loại 500.000đ và nhiều vàng trong hộp và nói đây là tiền và vàng bà Bnhận của chị V để làm nhà. Bà Bđưa tờ giấy nhận tiền và ông ký vào mặt sau của tờ giấy, ông xác nhận tờ giấy nhận tiền tòa án cho ông xem đúng là tờ giấy ông xác nhận năm 2012. Ông cam đoan nội dung xác nhận và bà Bcầm tiền, cầm vàng trước mặt ông là đúng sự thật.

***Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2019/DS - ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:***

Căn cứ vào Điều 688; 615, 630, 635; Điểm a, Khoản 1, Điều 650; Điểm a, Khoản 1, Điều 651; Khoản 2, Điều 660, Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 2, Điều 147; Điều 273; Khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm d, Điều 12; Điểm a, Khoản 7, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị V về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của bà Lê Thị B.

2. Xác nhận bản di chúc của bà Lê Thị B lập ngày 21/3/2016 là hợp pháp, chị Cao Thị V được hưởng di sản thừa kế theo di chúc là Q sử dụng thửa đất 251, Tờ bản đồ số 08, diện tích 100m<sup>2</sup> đất ở, tại Khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chị V đã được UBND huyện T tỉnh Phú Thọ cấp Giấy CNQSD đất số CP 802518 ngày 21/01/2019.

3. Về những người được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật bao gồm 06 người: anh Cao Bá C, chị Cao Thị T, chị Cao Thị V, Cao Thị T, anh Cao Bá T, chị Cao Thị C.

4. Xác định di sản của bà Bđược chia theo pháp luật gồm: 01 ngôi nhà cấp IV + Gác xép diện tích 125m<sup>2</sup> trị giá 265.850.000đ; 37,8m<sup>2</sup> mái tôn trị giá 7.494.079đ; Bể nước 13.148.132đ; Sân bê tông trị giá 3.928.500đ; Mái lợp Prôximang 1.864.802đ; 01 giường gỗ mít 1.500.000đ; 01 Tủ đứng 1.000.000đ; 01

quạt trần 300.000đ; ép cọc móng nhà 63.756.000đ. Tổng cộng: 359.000.000đ; Kỳ phần mỗi người được hưởng là 59.833.300đ.

5. Công nhận thỏa thuận của chị Cao Thị T cho chị Cao Thị V phần di sản chị T được hưởng là số tiền: 59.833.300đ.

6. Chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị V yêu cầu các đồng thừa kế được hưởng di sản của bà B phải T toán số tiền 100.000.000đ và 03 cây Vàng tính theo giá Vàng ngày 29/11/2019 là 41.100.000đ/cây Vàng; Tổng cộng 223.300.000đ. Nghĩa vụ được chia đều cho 6 đồng thừa kế mỗi người phải chịu 37.216.600đ T toán trả cho chị V.

7. Xử giao cho chị V sở hữu, sử dụng: 01 ngôi nhà cấp IV + Gác xếp diện tích 125m<sup>2</sup> trị giá 265.850.000đ có phần tường phía Trái chung với nhà ông C; 37,8m<sup>2</sup> mái tôn trị giá 7.494.000đ; Bể nước 13.148.100đ; Sân bê tông trị giá 3.928.500đ; Mái lợp Proximang 1.864.800đ; 01 giường gỗ mít 1.500.000đ; 01 Tủ đứng 1.000.000đ; 01 quạt trần 300.000đ; ép cọc móng nhà 63.756.000đ. Tổng cộng 359.000.000đ, tại thửa đất số 251, TĐĐ 08 trên.

8. Về T toán chênh lệch: Kỳ phần của mỗi người được hưởng di sản thừa kế là 59.833.300đ, trừ nghĩa vụ phải T toán là 37.216.600đ còn lại mỗi người được hưởng: 22.616.600đ.

Buộc chị V phải trả cho anh C, chị T, chị C và anh T mỗi người 22.616.600đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng và các vấn đề khác.

#### **Kháng cáo:**

- Ngày 10/12/2019 anh Cao Bá C kháng cáo với lý do:

Thứ nhất, Về di chúc của mẹ anh là bà Lê Thị B để lại. Theo quy định tại Điều 631 BLDS và điều 11 luật thừa kế quy định người viết di chúc phải ký tên vào từng trang và người chứng thực di chúc cũng phải ký tên vào từng trang nhưng bà B cũng như người chứng thực di chúc của mẹ anh để lại đất cho chị Cao Thị V không ký là vô hiệu phải được chia theo pháp luật.

Thứ hai: Về phần nợ bà B nợ chị V số tiền 100.000.000đ và 03 cây vàng. Theo giấy biên nhận nợ ngày 26/02/2012. Tại kết luận giám định ngày 31/10/2019 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ khẳng định: không đủ cơ sở kết luận làm chữ ký người vay tiền là của bà Lê Thị B. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại dựa vào lời khai của hai người làm chứng để buộc anh em anh phải chịu số nợ trên. Nhân chứng có khách quan bằng kết luận giám định hay không liệu nhân chứng có bị mua chuộc không. Đề nghị Tòa án xem xét khách quan.

- Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo đề nghị giám định lại chữ ký B và các chữ Lê Thị B tại giấy nhận tiền ngày 26/2/2012 và nộp tạm ứng chi phí giám định. Ngày 23/3/2020, tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã ra quyết định trưng cầu giám định lại số 01/2020/QĐ – TCGĐ tại Viện khoa học hình sự bộ công an. Ngày 10/4/2020, Tòa án cấp phúc thẩm đã ban hành quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án để chờ kết quả giám định, sau khi có kết luận giám định Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Tại kết luận giám định số: 108/C09 – P5 ngày 09/6/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an thể hiện : “Chữ ký “B” và các

chữ “Lê Thị B” dưới mục “Người nhận tiền mẹ kí tên” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Thị B trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 không phải do cùng một người ký, viết ra”.

- Ngày 28/7/2020, Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Nhưng do chị Cao Thị C vắng mặt lần thứ nhất nên các đương sự, kiểm sát viên đề nghị hoãn phiên Tòa. Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên Tòa. Xong bà Th và ông Th1 là người làm chứng trong vụ án đề nghị Hội đồng xét xử cho thư ký ghi quan điểm của bà Th và ông Th1 để những phiên Tòa sau bà Th và ông Th1 không tham gia phiên tòa. Việc trình bày của bà Th và ông Th1 có sự chứng kiến của các đương sự có mặt; bà Th và ông Th1 cam đoan việc trình bày chính xác, trung thực với những gì mà bà Th và ông Th1 được chứng kiến nếu trình bày không đúng bà Th và ông Th1 xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

\* Bà Nguyễn Thị Th trình bày tại phiên tòa phúc thẩm như sau: bà Th và bà B có quan hệ hàng xóm, chơi thân với nhau nên bà B có nhờ bà Th xuống nhà chị T ở khu 1, Đ để làm chứng việc chị V có đưa cho bà B giữ một số tiền, số vàng do bà B làm nhà thiếu tiền. Tại nhà của chị T, chị T lấy ở trong tủ bích phê ra hai xấp tiền mệnh giá 500.000đ bảo là 100.000.000đ và một hộp nhiều vàng nói là 3 cây; bà Th khẳng định có thấy số vàng, số tiền này nhưng do không là người trực tiếp đếm nên chỉ nghe các bên nói là 100 triệu và 03 cây vàng. Chị T nói bà Th làm chứng việc bà B nhận tiền, còn bà B có đưa ra tờ giấy nhận tiền và nói với bà Th ký, viết làm chứng có hai xấp tiền và có vàng, bà Th có ký và viết tên vào ngày 26/02/2020, sau đó bà Th ra về. Đối với giấy nhận tiền bà B đưa ra bà Th không biết ai viết, bà Th chỉ biết chị V mang tờ giấy này xuống. Phần xác nhận thì khoảng hai đến ba hôm sau thì bà Th viết xác nhận vào tờ giấy nhận tiền này, bà Th xác nhận chữ ký, chữ viết đúng là của bà Th; khi bà ký vào giấy nhận tiền này chưa có chữ ký của bà B mà bà B ký sau, chưa có chữ ký của ông Th1”.

\* Ông Trần Nhật Th1 có quan điểm trình bày tại phiên tòa phúc thẩm như sau: Chị T, bà B có mang giấy nhận tiền đến cùng 2 cục tiền loại 500.000đ và nhiều vàng trong hộp và nói đây là tiền và vàng bà B nhận của chị V để làm nhà nhờ ông xác nhận, lúc đó giấy nhận tiền có chữ ký của bà Th chưa thì ông Th1 không để ý đến còn chữ ký của bà B chưa có nên ông Th1 nói với bà B ký vào tờ giấy thì bà B ký, bà B ký vào mục người nhận tiền trước mặt ông Th1. Bà B đưa tờ giấy nhận tiền và ông ký vào mặt sau của tờ giấy, ông xác nhận tờ giấy nhận tiền tòa án cho ông xem đúng là tờ giấy ông xác nhận năm 2012”.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện Q và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, đại diện VKS đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Không chấp nhận kháng cáo của anh Cao Bá C.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2019/DS - ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1]. Về tố tụng: Anh Cao Bá C kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Bà Lê Thị Bkết hôn với ông Cao Bá C và sinh được 6 người con gồm: Cao Bá C; Cao Thị T; Cao Thị T; Cao Thị V; Cao Bá T; Cao Thị C. Ngày 06/10/2000, bà B và ông C ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 16/QĐTTLH, theo nội dung quyết định này thì phần tài sản chung giữa bà B và ông C đã được hai bên thỏa thuận. Sau khi được chia tài sản, UBND huyện T đã thu hồi đất và cấp tái định cư. Ngày 11/3/2018, bà Lê Thị Bkết có để lại di sản là thửa đất số: 251, tờ bản đồ số 08, diện tích 100m<sup>2</sup> đất ở tại khu 5, thị trấn T, huyện T, trên đất hiện nay có 01 ngôi nhà cấp IV + Gác xếp diện tích 125 m<sup>2</sup>, mái tôn, bể nước, sân bê tông, mái lợp plôximăng, 01 giường gỗ mít, 01 tủ đứng, 01 quạt trần, ép cọc móng nhà. Tổng giá trị tài sản là 959.000.000đồng.

Xét về những tài sản trên, các hàng thừa kế thứ nhất đều thừa nhận đây là di sản của bà B để lại nên đây là những tình tiết, sự kiện rõ ràng các đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh.

- Về Bản di chúc của bà B: Năm 2016, bà B đã lập di chúc tại UBND thị trấn T, di chúc cho chị V thừa đất nêu trên, khi bà Bkết chị V yêu cầu mở thừa kế, UBND thị trấn T đã mở thừa kế, đến năm 2019, chị V đã làm thủ tục cấp giấy chứng nhận Q sử dụng đất đứng tên Cao Thị V. Các đương sự thuộc hàng thừa kế đều xác nhận và biết việc bà B lập di chúc cho chị V thừa đất nêu trên. Nhưng cho rằng di chúc không hợp pháp.

- Xét kháng cáo của anh C với nội dung theo quy định tại Điều 631 Bộ luật dân sự và điều 11 luật thừa kế quy định người viết di chúc phải ký tên vào từng trang và người chứng thực di chúc cũng phải ký tên vào từng trang nhưng bà B cũng như người chứng thực di chúc của bà B để lại đất cho chị Cao Thị V không ký là vô hiệu phải được chia theo pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

Bản di chúc của bà B khi lập tại UBND thị trấn T chưa được đánh số trang, chưa ký vào từng trang của di chúc, di chúc có sửa phần ký hiệu giấy chứng nhận Q sử dụng đất là chưa phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 631 bộ luật dân sự nhưng các trang của bản di chúc này đã được đóng dấu giáp lai, được gửi giữ, công bố tại UBND thị trấn T. Hơn nữa, tại bản Kết luận giám định số: 1283/KLGD ngày 31/10/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Thọ xác định chữ ký của bà B trong các tài liệu mẫu và chữ ký trên bản di chúc là do một người viết ra, nguồn gốc di sản thể hiện trong di chúc là của riêng bà B. Như vậy, di chúc thể

hiện ý chí của người để lại di chúc nên di chúc là hợp pháp. Chị V được bà Bdi chúc cho thửa đất: 251, tờ bản đồ 08, diện tích 100 m<sup>2</sup> là đúng quy định của pháp luật. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác nhận bản di chúc này và giao cho chị V được hưởng di sản thừa kế thửa đất số: 251, tờ bản đồ số 08, diện tích 100m<sup>2</sup> đất ở tại khu 5, thị trấn T, huyện T theo nội dung di chúc là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với các tài sản trên thửa đất này là 01 ngôi nhà cấp IV + Gác xép diện tích 125m<sup>2</sup> trị giá 265.850.000đ có phần tường phía Trái chung với nhà ông C, tại phiên tòa Ông C và chị V thỏa thuận nếu sau này một trong các bên có chuyển nhượng cho người khác thì sẽ thỏa thuận sau với người nhận chuyển nhượng; 37,8m<sup>2</sup> mái tôn trị giá 7.494.079đ; Bể nước 13.148.132đ; Sân bê tông trị giá 3.928.500đ; mái lợp Proximang 1.864.802đ; 01 giường gỗ mít 1.500.000đ; 01 tủ đứng 1.000.000đ; 01 quạt trần 300.000đ; ép cọc móng nhà 63.756.000đ. Tổng cộng 359.000.000đ là di sản của bà B để lại và không được ghi trong di chúc nên sẽ được chia theo pháp luật, những tài sản này đều nằm trên diện tích đất của chị V được hưởng thừa kế theo di chúc của bà B nên tòa án cấp sơ thẩm giao toàn bộ tài sản này cho chị V sở hữu, sử dụng và buộc chị V T toán tiền cho những người thừa kế khác là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật. Theo đó, kỷ phần mỗi người được hưởng là 59.833.300đ (đã làm tròn), phần di sản của chị T được hưởng theo quan điểm của chị T là cho chị V nên cần ghi nhận sự tự nguyện của chị T về vấn đề này là phù hợp. Chị V được sở hữu, sử dụng di sản thừa kế thì có trách nhiệm T toán giá trị di sản cho anh C, chị T, chị C, anh T.

- Về kháng cáo của anh C về việc bà B nợ chị V số tiền 100.000.000đ và 03 cây vàng theo giấy nhận tiền ngày 26/02/2012. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét “Chữ ký “B” và các chữ “Lê Thị B” dưới mục “Người nhận tiền mẹ kí tên” thì nhận thấy giấy nhận tiền này được bà B ký ngày 26/02/2012 nên mẫu so sánh cũng cần gần với thời điểm này thì mới giám định được chính xác nhất. Tuy nhiên, do bà B đã chết, các đương sự trong vụ án không cung cấp được thông tin nào khác liên quan đến chữ ký, chữ viết của bà B ngoài mẫu so sánh được ghi tại kết luận giám định nên dẫn đến kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ và Viện khoa học hình sự - Bộ Công an không có sự đồng nhất với nhau cụ thể: Kết luận giám định của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Thọ “không đủ cơ sở kết luận chữ ký dạng chữ viết “B” và các chữ “Lê Thị B” dưới mục “Mẹ ký tên” trên giấy nhận tiền và các mẫu so sánh **là do cùng một người ký, viết ra hay không**. Xong tại kết luận giám định số 108/C09-P5 ngày 09/6/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận “Chữ ký “B” và các chữ “Lê Thị B” dưới mục “Người nhận tiền mẹ kí tên” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Lê Thị B trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 **không phải do cùng một người ký, viết ra**. Do không có sự đồng nhất này cần phải có những chứng cứ khác để xác định có sự việc bà B có vay tiền, vàng của chị V hay không?. Trong giấy nhận tiền này có hai người làm chứng, chứng kiến việc này cụ thể bà Nguyễn Thị Th có ký, viết làm chứng về việc “Có



được bà Bnhờ xuống Đ nhà con gái tên T làm chứng hộ nhận tiền và vàng”; ông Trần Nhật Th1 ký, viết ngày 26/02/2012 với nội dung “ Khu hành chính số 01 chứng nhận giấy nhận tiền của gia đình là đúng”. Xét điều kiện để người làm chứng, làm chứng thấy rằng: bà Th, ông Th1 chỉ là hàng xóm với bà B, chị V, chị T và anh C; bà Tvà ông Th1 không có Q, lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan đến số tiền và số vàng trên; khi làm chứng đã đủ 18 tuổi, đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên bà Thái, ông Th1 có đầy đủ điều kiện là người làm chứng theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Xét về sự kiện bà Th, ông Th1 làm chứng: Có sự việc bà Bnhận tiền, vàng từ chị T do chị V gửi vì việc giao nhận tiền trước mặt của bà Th và ông Th1; về thời điểm bà B ký vào phần dưới mục “Người nhận tiền mẹ kí tên” thì xác định: khi bà T làm chứng thì bà Bchưa viết, ký vào mục này mà chỉ khi gặp ông Th1 thì bà Bmới ký, viết theo đề nghị của ông Th1 và ký trước mặt của ông Th1; về thời điểm bà Tvà ông Th1 ký và viết t xác nhận vào giấy nhận tiền ngày 26/02/2012 không cùng thời điểm cụ thể: Bà Tký viết tên ở nhà chị T nhưng phần xác nhận “ Có được bà Bnhờ xuống Đ con gái tên T làm chứng hộ nhận tiền và vàng” được bà Tviết sau khoảng 2,3 ngày kể từ ngày 26/02/2012; sau khi bà Tra về thì chị T, bà Bmới cầm tờ giấy nhận tiền nêu trên và tiền cùng vàng đến nhà ông Th1 để nhờ làm chứng thì lúc này ông Th1 mới viết, ký xác nhận vào tờ giấy này với nội dung “ Khu hành chính số 01 chứng nhận giấy nhận tiền của gia đình là đúng” vào ngày 26/02/2020. Hơn nữa từ trước đến nay bà Th, ông Th1 cũng không có mâu thuẫn gì với anh C, anh T, chị C, chị T; Việc lời khai tại phiên tòa cũng như các lời khai của bà Th, ông Th1 tại cấp sơ thẩm đều thống nhất với nhau và đều cam đoan được chứng kiến sự việc nêu trên là đúng sự thực. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định bà Bcó vay 100.000.000đ và 03 cây vàng của chị V vì có bà Tvà ông Th1 chứng kiến, ký và xác nhận và chị T là người giao tiền, vàng cho bà B. Tại cấp phúc thẩm chị V còn cung cấp và giao nộp một số tài liệu chứng minh việc chị có mua vàng của doanh nghiệp vàng bạc đá quý Th1 Đạt, cửa hàng vàng bạc V Oanh, Bảo Minh. Thời điểm mua năm 2008, 2009, 2010.

Tại cấp phúc thẩm anh C cung cấp và giao nộp 01 quyển vở học sinh bên trong có ghi theo dõi tiền ứng làm nhà, cho vay quyền sở này là của bà Bvà cho rằng thời điểm này bà Bcó tiền làm nhà và cho vay nên không phải vay tiền, vàng của chị V. Xét thấy việc vay tiền và vàng của chị V có hay không đã được phân tích ở trên.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị V về yêu cầu các đồng thừa kế được hưởng di sản của bà Bphải thực hiện nghĩa vụ về tài sản do bà Bđể lại là T toán số tiền 100.000.000đ, 03 cây Vàng tính theo giá Vàng ngày 29/11/2019 là 41.100.000đ/cây Vàng, tổng cộng 223.300.000đ là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về chi phí tố tụng: Số tiền chi phí giám định tại cấp phúc thẩm hết 5.000.000đ, do yêu cầu kháng cáo của anh C không được chấp nhận nên anh C phải chịu số tiền giám định này.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Cao Bá C;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 07/2019/DS - ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 688; 615, 630, 635; Điểm a, Khoản 1, Điều 650; Điểm a, Khoản 1, Điều 651; Khoản 2, Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 2 Điều 148, Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, Khoản 7, Điều 27, khoản 1 điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]. Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị V về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của bà Lê Thị B.

- Xác nhận bản di chúc của bà Lê Thị Blập ngày 21/3/2016 là hợp pháp, chị Cao Thị V được hưởng di sản thừa kế theo di chúc là Q sử dụng thửa đất 251, Tờ bản đồ số 08, diện tích 100m<sup>2</sup> đất ở, tại Khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chị V đã được UBND huyện T tỉnh Phú Thọ cấp Giấy CNQSD đất số CP 802518 ngày 21/01/2019.

- Về những người được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật bao gồm 06 người: Anh Cao Bá C, chị Cao Thị T, chị Cao Thị V, Cao Thị T, anh Cao Bá T, chị Cao Thị C.

- Xác định di sản của bà Bđược chia theo pháp luật gồm: 01 ngôi nhà cấp IV + Gác xếp diện tích 125m<sup>2</sup> trị giá 265.850.000đ; 37,8m<sup>2</sup> mái tôn trị giá 7.494.079đ; Bể nước 13.148.132đ; Sân bê tông trị giá 3.928.500đ; Mái lợp Prôximăng 1.864.802đ; 01 giường gỗ mít 1.500.000đ; 01 Tủ đứng 1.000.000đ; 01 quạt trần 300.000đ; ép cọc móng nhà 63.756.000đ. Tổng cộng: 359.000.000đ (ba trăm năm mươi chín triệu đồng); Kỳ phần mỗi người được hưởng là 59.833.300đ (năm mươi chín triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm đồng).

- Công nhận thỏa thuận của chị Cao Thị T cho chị Cao Thị V phân di sản chị T được hưởng là số tiền : 59.833.300đ (Năm mươi chín triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm đồng).

- Chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị V yêu cầu các đồng thừa kế được hưởng di sản của bà Bphải T toán số tiền 100.000.000đ và 03 cây Vàng tính theo giá Vàng ngày 29/11/2019 là 41.100.000đ/cây Vàng; Tổng cộng 223.300.000đ (Hai trăm hai mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng ). Nghĩa vụ được chia đều cho 6 đồng thừa kế mỗi người phải chịu 37.216.600đ (Ba mươi bảy triệu hai trăm mười sáu nghìn sáu trăm đồng) T toán trả cho chị V.

- Xử giao cho chị V sở hữu, sử dụng: 01 ngôi nhà cấp IV + Gác xép diện tích 125m<sup>2</sup> trị giá 265.850.000đ có phần tường phía Trái chung với nhà ông C; 37,8m<sup>2</sup> mái tôn trị giá 7.494.000đ; Bể nước 13.148.100đ; Sân bê tông trị giá 3.928.500đ; Mái lợp Proximang 1.864.800đ; 01 giường gỗ mít 1.500.000đ; 01 Tủ đứng 1.000.000đ; 01 quạt trần 300.000đ; ép cọc móng nhà 63.756.000đ. Tổng cộng 359.000.000đ (Ba trăm năm mươi chín triệu đồng), tại thửa đất số 251, TĐĐ 08 trên.

- Về T toán chênh lệch: Kỳ phần của mỗi người được hưởng di sản thừa kế là 59.833.300đ, đối trừ nghĩa vụ phải T toán là 37.216.600đ còn lại mỗi người được hưởng: 22.616.600đ (Hai mươi hai triệu sáu trăm mười sáu nghìn sáu trăm đồng ). Buộc chị V phải trả cho anh C, chị T, chị C và anh T mỗi người 22.616.600đ (Hai mươi hai triệu sáu trăm mười sáu nghìn sáu trăm đồng).

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các T hợp cơ quan thi hành án có Q chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

[3]. Chi phí tố tụng:

- Chị V nộp tạm ứng chi phí tố tụng, thẩm định và định giá tài sản số tiền 25.000.000đ, chi phí thẩm định tại chỗ hết 500.000đ; chi phí thẩm định giá hết 1.250.000đ; tổng cộng 1.750.000đ số còn lại 23.250.000đ(hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) trả lại cho chị V theo biên lai thu tiền số AA/2019/0001407 ngày 15/11/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Cao Bá C nộp tạm ứng chi phí tố tụng 4.000.000đ tiền Giám định chữ ký và Thẩm định giá tài sản; Chi phí giám định hết 2.000.000đ và chi phí thẩm định giá hết 1.250.000đ; tổng hết 3.250.000đ, còn lại 750.000đ(bảy trăm năm mươi nghìn đồng) trả lại cho anh C anh C đã nhận lại đủ số tiền trên.

- Anh Cao Bá C phải chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng ) tiền chi phí giá m định lại tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an (xác nhận đã nộp).

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Cao Thị V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.261.600đ (hai triệu hai trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm đồng), xác nhận chị V đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0001546 ngày 15/5/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Anh Cao Bá C, chị Cao Thị T, chị Cao Thị C, anh Cao Bá T mỗi người phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.130.800đ (Một triệu một trăm ba mươi nghìn tám trăm đồng).

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Cao Bá C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận anh C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số: 0001699 ngày 18 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục thi hành án huyện T.

T hợp bản án được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện T;
- TAND huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hà Giang**